TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Lượng;

2. Ông Đào Văn Nô

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trọng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Trọng Q, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh HT; tạm trú: Số 202/27 tổ 6, ấp V, phường TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh HT; tạm trú: Số 202/27 tổ 6, ấp V, phường TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-12-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Trọng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Trọng Q và bà Phạm Thị TH tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2010, ngày 22-02-2010.

Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng

lẫn nhau. Vì muốn có cuộc sống gia đình hạnh phúc nên ông bà đã nhiều lần cố gắng khắc phục và hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà TH.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Võ Phạm Nguyên Giáp, sinh ngày 29-8-2010 và Võ Nguyên Đức, sinh ngày 14-3-2013. Hiện các con đang sống chung với bà TH. Do đó, ông bà thỏa thuận khi ly hôn giao hai con cho bà Phạm Thị TH trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị TH vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Bà Phạm Thị TH và ông Võ Trọng Q tự nguyện sống chung từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, quyển số 01/2010, ngày 22-02-2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và quan tâm chăm sóc cho nhau. Trong quá trình sống chung, vợ chồng thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Q làm nghề môi giới bất động sản thường xuyên đi vắng không có thời gian chăm sóc gia đình. Nhiều lúc bực tức bà TH có to tiếng với ông Q dẫn đến vợ chồng cãi vã nhưng sau đó vẫn chung sống hòa thuận với nhau. Từ năm 2018, vợ chồng cãi vã thường xuyên hơn và có lúc xô xát với nhau. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng ông Q cứ đi về và tối thì ngủ ở văn phòng bất động sản. Hiện vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Bà TH nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Ngoài ra, vợ chồng còn hai người con nhỏ nên bà TH muốn ông bà cùng chăm sóc cho các con. Do đó, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Phạm Nguyên Giáp, sinh ngày 29-8-2010 và Võ Nguyên Đức, sinh ngày 14-3-2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn, thì bà TH yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà TH yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Q làm nghề môi giới bất động sản thu nhập trung bình mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Do đó, ông Q có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Ông Võ Trọng Q và bà Phạm Thị TH tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân ông Q yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không được nên ông Q yêu cầu ly hôn với bà TH là có

căn cứ; về con chung ông Q và bà TH đã tự thỏa thuận bà TH trực tiếp nuôi hai con là phù hợp. Vì hiện nay các con đang sống chung với bà TH và cũng theo nguyện vọng của con; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng của ông Q; Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm Q giải quyết vụ án: Ông Võ Trọng Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị TH và yêu cầu giải quyết về Q nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị TH đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Số 202/27, tổ 6, ấp V, phường TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bà Phạm Thị TH có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bà TH theo quy định tại Điều 227,228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Trọng Q và bà Phạm Thị TH là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 quyển số 01/2010, ngày 22-2-2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Ông Võ Trọng Q và bà Phạm Thị TH đã xác định vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Ông bà thường xuyên cãi vã với nhau và hiện nay hai bên không ai còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung. Bà TH cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Nhưng bà TH không đưa ra phương hướng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, ông Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về con chung: Ông Q và bà TH thống nhất trình bày vợ chồng có hai người con chung tên Võ Phạm Nguyên Giáp, sinh ngày 29-8-2010 và Võ Nguyên Đức, sinh ngày 14-3-2013. Hiện hai con chung đang sống chung với bà TH. Theo nguyện vọng của cháu Võ Phạm Nguyên Giáp là được sống chung với mẹ. Do đó, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông bà là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, Q của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào Q lợi về mọi mặt của con*" và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi theo yêu cầu của bà TH và phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[9]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng Q về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với bà Phạm Thị TH như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Trọng Q được ly hôn với bà Phạm Thị TH.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Phạm Nguyên Giáp, sinh ngày 29-8-2010 và Võ Nguyên Đức, sinh ngày 14-3-2013 cho bà Phạm Thị TH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc ông Võ Trọng Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi Võ Phạm Nguyên Giáp, sinh ngày 29-8-2010 và Võ Nguyên Đức, sinh ngày 14-3-2013 với mức cấp dưỡng mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Võ Trọng Q và bà Phạm Thị TH đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Q được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà TH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Võ Trọng Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ. Tổng cộng: 600.000 đồng được

khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037642, ngày 18-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên. Ông Võ Trọng Q còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Về Q kháng cáo: Các đương sự có mặt được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm